WP-0119

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE:

IV # _____

VEWL. # _____

I-171: ___Yes, ___No

WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

(Two Copies)

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN (Last) THI (Middle) CUC (First)

Current Address 80/4 Đường 19, P. 18, Quận Tân Bình, HOCHIMINH, VN

Date of Birth 10/3/45 Place of Birth Saigon

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/FATHER)

NGUYEN THANH TAM

Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) Captain

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 2/12/75 To DEATH DATE: 8/30/77

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

_____
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 5/4/89

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN THI CUC
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN NGOC DIEN	09/21/1970	Son
NGUYEN CONG NGUYEN	07/27/1971	Son
NGUYEN THUY DIEM	10/04/1973	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

_____

_____

6. ADDITIONAL INFORMATION :

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171: ___Y ___N
EXIT VISA.#: _____

WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM Ng~ (Last) Thi (Middle) Cúc (First)

Current Address 80/4 Trường 19, P. 18 Tân Bình TPHCM

Date of Birth 3/10/45 Place of Birth UN

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/FATHER)

Ng~ Thanh Tâm

Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) Cpt

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 2/75 To DEATH DATE: 8/77

3. SPONSOR'S NAME: Phan Ngoc Trác

Panorama City CA.
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

_____

_____

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Vannuys 11 - 08. 1989

Kính thưa Bà,

Được biết quý hội đang hoạt động về xúc tiến việc can thiệp và lập danh sách tù nhân chính trị còn đang cải tạo và chết ở tại Việt Nam.

Chúng tôi thành thật cảm ơn lòng ưu ái và nhân đạo của quý hội. Mong rằng công tác này thành công mỹ mãn.

Sau đây tôi xin giới thiệu: Tôi có người con quen tên:

Nguyễn Thanh Tâm Cựu đại úy sanh năm 1942 tại Ba Xuyên. Nam Việt Nam.

Đơn vị T/T. DH. T.K. Phước Long

Mất tích trong cuộc chiến Phước Long ngày 7.01.1975.

Trong thời Bình Long thất thủ.

Sau đó bị chết trong trại cải tạo ngày 12.2.1975.

Để lại:

Gia cảnh: Vợ tên: Nguyễn Thị Cúc (10-3.1945)

Con: Nguyễn Ngọc Điền (21-09-1970)

Nguyễn Công Nguyên (27.7.1971)

Nguyễn Thùy Diễm (04.10.1973)

Hiện cư ngụ tại 80/4 đường 19 Phường 18 quận Tân Bình T/phố Hồ Chí Minh. Việt Nam.

Tôi cũng đã đến Hội Thân Nhân Nguyên làm hồ sơ bảo lãnh IRC Los Angeles làm thủ tục bảo lãnh [illegible] qua.

Kính mong quý hội chiếu cố giúp cho gia đình Tâm sớm được đến Mỹ - thoát cảnh đói khổ hiện nay tại V.N. trong lúc không có người săn sóc.

Thành thật cảm ơn. Rất mong sự hồi âm của quý hội. Kèm theo [illegible] bảo.

Kính báo

Phan Ngọc [illegible]

(– LAY –)

CHUNG-NHAN.

VIET NAM CONG HOA
QUAN LUC VIET NAM CONG HOA
QUAN-DOAN III – QUAN KHU 3
CO QUAN KK/TK/PHUOC LONG.

So 1188 /CQ/KK/TKPL/CTMT.

TRUNG TA NGUYEN KIM DINH
Chi-Huy-Truong Cơ Quan KK/TK/Phuoc-Long.

CHUNG NHAN

Ho va ten : NGUYEN THANH TAM
Cap bac : Dai Uy
So quan : 62/177.769
Ngay va nơi sanh: 1942 tai Ba Xuyen
Ten cha : Nguyen Văn-Chon
Ten me : Nguyen Thi-Thu
Don vi : Thuoc TT/DH/TK/Phuoc-Long,
Hien duoc ghi nhan mat tich trong cuoc chien Phuoc-Long ngay 07.01.1975
LY DO: De bo tuc ho so xin cap duong,

KBC 4820, ngay 3 thang 4 nam 1975

TIỂU KHU PHƯỚC LONG

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

U-) BIÊN BAN PHẠM NHÂN TỬ VONG

Chúng tôi gồm:
- Ban giám thị : . . . . Đoàn Mạch . . . . . .
- Y-Tế trại : . . . . . Hoàng Bích Thoa . . . . . .
- Cán bộ trực trại : . Đoàn Hùng Lớn . . . .
- Y-Tế phạm nhân : . . Phạm Văn Hạt . . . . . .
. . . . . Sập bên đang jam nhân tử vong
- Anh phạm nhân tên : . Nguyễn Thanh Tâm . . .
Địa chỉ : . 743/1 . phạm thế Hiển . Sài gòn 8
Can tội: . . Làm tay sai cho Mỹ ngụy
. . . . . .
Bị bắt ngày : . . . . . 12-2-75 . . . . . .
Bị mắc bệnh : . . K vòng họng . . . . . .
Trại đã : thân vị đã đưa đi điều trị tại bệnh viện thành jố . Sau khi về trại tiếp tục điều dưỡng ở bệnh xá .
Đến . . giờ . . ngày 30 tháng 8 năm 1977
Đã chết : ở bệnh xá trại . . . . . .
Lý do chết : ung thư vòm họng (chết do quá SHCT)
. . . . . .

Trại cải tạo Thủ đức chúng tôi ủy quyền cho sở vệ sinh Thành Phố Hồ Chí Minh chôn cất yêu cầu Sở vệ sinh ghi lại mã mồ nơi chôn cất.

Thủ Đức; ngày 30 tháng 8 năm 1977

Ban giám thị	Y-Tế trại	Cán bộ trực trại	Y-Tế phạm nhân
[signature]	[signature] Hoàng B.T.		Hạt Phạm Văn Hạt

Chánh tá Đoàn Mạch

NHÂN THỰC SAO Y SỐ ___/S.Y
BÃ XUẤT TRÌNH TẠI UBND P.1B
Ngày 20 tháng 01 năm 1989
T.M. UBND P.1B
ỦY VIÊN THƯ KÝ

GIẤY PHÉP KẾT HÔN

(Huấn-thị 650 - 401 ngày 1-9-67)

PHẦN I. ĐƠN XIN KẾT HÔN

1 - Họ tên Quân nhân xin kết hôn : NG YỄN-THANH-TÂM	2- Cấp bậc : TRUNG ÚY/TB	3 - Số-quân : 62/177769
4 - Ngày sinh : 10-7-1942 / 5 - Gia-cảnh : Độc thân	6- Thành phần QLVNCH CLQ [x] ĐPQ [ ]	7 - Đơn-vị : CHI K[illegible] LIÊN-QUÂN
8 - Họ tên vị hôn thê (hoặc hôn phu) : NGUYỄN-THỊ CÚC TỰ MAI CÚC	9- Nghề-nghiệp : Học sinh	
10 - Ngày sinh : 10-3-1945 / 11 - Gia-cảnh : Độc thân	12- Địa-chỉ : [illegible]/2 Tân Phú Quận Tân Bình Tỉnh GIA ĐỊNH	
13 - Họ tên cha vị hôn thê (hoặc hôn phu) : NGUYỄN-VĂN-LONG	14- Họ tên mẹ vị hôn thê (hoặc hôn phu) : TRẦN-THỊ-HOA	

15 - CAM KẾT :

Tôi xin cam-kết hoàn-toàn chịu trách-nhiệm trong trường-hợp người phối-ngẫu của Tôi là Cô (hoặc Ông) Nguyễn-thị Cúc tự Mai Cúc trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phương-hại đến nền an-ninh Quốc-gia hay hành những nghề có thể làm tổn-thương đến danh-dự của QLVNCH.

(Điều 191 Sắc luật số 13/CT/LĐQGQL/SL ngày 20-10-64 bắt buộc vợ người Quân-nhân phải từ bỏ nghề của mình nếu nghề ấy xét có phương hại cho thanh danh của Quân-đội).

16 - Làm tại KBC 4820 ngày 21-12-1969	18- Chữ ký của Quân-nhân xin kết hôn : Chữ ký của đương sự
17 - Nơi nhận CHT. KBC 4002/TT	

PHẦN II. QUYẾT-ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC CÓ THẨM QUYỀN

19 - Giấy phép kết hôn số : 2718/TTM.TQT.[illegible].KBC.4002 ngày 25-2-1970

20 - QUYẾT-ĐỊNH CỦA CẤP CHỈ HUY HỮU-QUYỀN :

Chấp-thuận đơn xin trên đây và lưu-ý quân-nhân được cấp phép kết hôn :

- Giấy phép kết hôn này chỉ có giá trị trong phạm vi QLVNCH.
- Ngoài những hình-phạt về quân-kỷ, quân-nhân còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật nếu vi phạm luật Gia-đình (Sắc-luật số 15/64 ngày 23-7-1964).

21 - Cấp-bậc, Họ tên, Chức-vụ và chữ ký của giới chức cấp phép kết hôn.

NƠI NHẬN:

- TT/TTV.TK Phước-Long.KBC.6102
- "Để tống đạt"

....

TL.Đại tướng CAO-VĂN-VIÊN
Tổng Tham Mưu Trưởng QLVNCH
TL.Thiếu Tướng NGUYỄN VĂN MẠNH
Tham Mưu Trưởng Liên Quân
Thiếu Tướng NGUYỄN XUÂN THỊNH
Tham Mưu Phó Nhân Viên
(ấn ký)

MẪU 01.09.67 QĐ-900

09.67.TTALAP.O.922

CHỈ DẪN

PHẦN I. Do quân nhân muốn lập gia-đình điền khuyết (5 bản nếu kết hôn với thường dân và 7 bản nếu kết hôn với quân nhân) bằng máy đánh chữ các mục từ 1 đến 17 và ký tên vào mục 18. Nếu không có máy đánh chữ, có thể điền bằng bút mực nhưng phải viết theo lối chữ in. Tất cả các mục phải được ghi đầy đủ và sạch sẽ, nếu không nhân-viên nhận đơn sẽ hoãn trả để thiết lập lại.

- Họ tên (mục 1 và 8) : Ghi đúng theo khai sinh.
- Cấp bậc (mục 2) : Ghi ngạch bằng chữ tắt tiếp theo cấp bậc. (thí dụ : Trung-úy TB - Trung-sĩ HD...)
- Số quân (mục 3) : Ghi đầy đủ số quân 8 số.
- Gia-cảnh (mục 5 và 11) : Ghi độc thân, góa vợ hoặc ly-dị (không cần ghi số con).
- Thành phần QLVNCH (mục 6) : Đánh dấu tréo (x) vào ô thích hợp.
- Nghề nghiệp (mục 9) : Ghi cấp bậc, nếu vị hôn thê hoặc hôn phu là quân nhân.
- Địa-chỉ (mục 12) : Phải ghi rõ ràng, để việc điều-tra kết hôn có thể xúc tiến và hoàn tất mau chóng.
- Nơi nhận (mục 17) : Ghi KBC của cơ quan hay đơn-vị có thẩm-quyền cấp phép kết hôn. Đối với đơn xin của Sĩ-quan, chuẩn-úy và quân nhân khác thuộc thẩm-quyền Bộ TTM, ghi KBC của Bộ TTM/Phòng TQT : 40.02/TQT.

PHẦN II. Dành cho cơ quan hoặc đơn-vị có thẩm quyền cấp phép kết hôn.

S A O Y B Ả N C H Ấ N H

NƠI NHẬN:
-Sĩ Quan đương sự
" Để tùy nghi "
-TT/QTTV/PL.KTC-QTNV/HSP
" Để thi hành phần liên hệ "

Việt Nam Cộng Hòa
Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa
Vùng 3 Chiến Thuật

Khu 32 Chiến Thuật
Tiểu Khu Phước Long
Trung Tâm TTV/Phước-Long

Số __ __/TT/QTTV/PL/K.QTNV/HSV/BT

KBC.6102 ngày 18 tháng 08 năm 1970
Đại-úy NGUYỄN TRUNG
Chỉ-huy-Trưởng Trung Tâm TTV/PL

TRUNG TÂM QUẢN TRỊ PHƯỚC LONG

Số: 552

KHAI SANH

Tên, họ ấu nhi : NGUYỄN - NGỌC - ĐIỀN

Phái : Nam

Sanh : (Ngày, tháng, năm) Ngày hai mươi mốt tháng chín năm một ngàn chín trăm bảy mươi (21/09/1970)

Tại : xã Sơn Giang, quận Phước Bình, tỉnh Phước Long.

Cha : (Tên, họ) NGUYỄN-THANH-TÂM

Tuổi : Hai mươi tám tuổi (28)

Nghề-nghiệp : Quân - nhân

Cư-trú tại : Sơn-Giang, quận Phước Bình, tỉnh Phước Long.

Mẹ : (Tên, họ) NGUYỄN-THỊ-CÚC

Tuổi : Hai mươi lăm (25) tuổi.

Nghề-nghiệp : Nội - trợ

Cư-trú tại : xã Sơn Giang, quận Phước Bình, tỉnh Phước Long

Vợ : Chánh

Người khai : (Tên, họ) NGUYỄN-THANH-TÂM

Tuổi : Hai mươi tám (28) tuổi

Nghề-nghiệp : Quân nhân

Cư-trú tại : xã Sơn-Giang, quận Phước Bình, tỉnh Phước Long

Ngày khai : Hai mươi bốn tháng chín năm một ngàn chín trăm bảy mươi (24/09/1970)

Người chứng thứ nhứt : (Tên, họ) TRANG-SĨ-BÉ

Tuổi : Ba mươi lăm (35) tuổi

Nghề-nghiệp : Quân - nhân

Cư-trú tại : xã Sơn Giang, quận Phước Bình, Phước Long.

Người chứng thứ nhì : (Tên, họ) CHÂU-VAN-NGỌC

Tuổi : Hai mươi bảy (27) tuổi

Nghề-nghiệp : Quân - nhân

Cư-trú tại : xã Sơn Giang, quận Phước Bình, tỉnh Phước Long

Làm tại Sơn - Giang, ngày 24 tháng 09 năm 1970

Người khai,	Ủy-viên Hộ-tịch	Nhân-chứng,
NGUYỄN-THANH-TÂM	PHAN-ĐƯƠNG	TRANG-SĨ-BÉ (ký)
(ký tên)	(ấn-ký)	CHÂU-VAN-NGỌC (ký)

CHÉP Y TRONG BỘ :
Sơn-Giang, ngày 24/09/1970
Ủy-Viên Hộ-Tịch

PHAN - ĐƯƠNG

CHỨNG THỰC SAO Y BẢN CHÁNH ĐÃ XUẤT TRÌNH
Quận 1, ngày 13 tháng 09 năm 1988
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỐI-CAO PHÁP-VIỆN

TRÍCH-LỤC ÁN PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ Sơ-Thẩm Saigon

Ngày 14 tháng 5 năm 1963

Số 1087/HĐ

Án thế-vì khai-sanh cho

NGUYỄN-THỊ-CÚC tự MAI-CÚC

Toà Sơ-Thẩm Saigon xử về việc Hộ trong phiên nhóm công khai ngày 14 tháng 5 năm 1963 gồm có các ông:

Chánh Án : Bùi-Phan-Quế

Biện-Lý : Lý-Quốc-Sỉnh

Lục-Sự : Trần-Hữu-Khoa

đã lên bản án như sau

BẢN ÁN TOÀ-ÁN

Chiếu theo đơn của Nguyễn-Văn-Long

xin án thế-vì khai-sanh cho con

BỞI CÁC LẼ ẤY :

Chứng nhận Nguyễn-Văn-Long và Trần-Thị-Hoa nhìn

Phán rằng :

NGUYỄN-THỊ-CÚC tự MAI-CÚC, nữ,

sanh ngày 10-3-1945,

tại Quận 3 Saigon,

con của Nguyễn-Văn-Long và Trần-Thị-Hoa./-

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÁNH Số 3265.Y

Ngày 09 12 1988

Phán rằng án này thế-vì khai-sanh cho trẻ ấy

Dạy ghi đoạn phán quyết án này vào sổ khai sanh dường-niên Quận 3 Saigon

và lược biên án này vào lề tờ khai-sanh gần nhứt ngày 10-3-1945 nơi kể trên

giữ lại lưu-trữ công-văn và Phòng Lục-Sự Toà-Án sở tại

Dạy nguyên-đơn chịu hết án phí

Án này làm, xử và tuyên vào ngày, tháng và năm đã kể trên.

Ký tên : Bùi-Phan-Quế Trần-Hữu-Khoa

Trước-bạ tại Phòng Ba (Saigon) ngày

Quyển Tờ Số 543/83

Thâu :

GIÁ TIỀN	
Con niêm	20$00
Bông lộc	5$00
Biên lai	0$50
Cộng chung	25$50

TRÍCH Y BẢN CHÁNH

Saigon, ngày 3 tháng 7 năm 1989

K.T. CHÁNH LỤC-SỰ,

Lục-Sự Bùi-Văn-Tý

Số : 382

KHAI SANH

CHÉP Y TRONG BỘ :

Sơn-Giang, 30 / 07 / I97I
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

PHAN - ĐƯƠNG

KIỂM - THỊ :

Sơn-Giang, 04 / 08 / I97I
XÃ - TRƯỞNG

PHAN - MIÊN

Tên, họ đứa nhỏ : NGUYÊN - CÔNG - NGUYÊN
Phái : Nam
Sanh : Hai mươi bảy tháng bảy năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (27-07-I97I)
(Ngày, tháng, năm)
Tại : xã Sơn-Giang, quận Phước Bình, tỉnh Phước Long
Con : Nguyễn-Thanh-Tâm
(Tên, họ)
Tuổi : Hai mươi chín tuổi (29 tuổi)
Nghề-nghiệp : Quân nhân
Cư-trú tại : xã Sơn Giang, quận Phước Bình, Phước-Long
Mẹ : Nguyễn-Thị-Cúc
(Tên, họ)
Tuổi : Hai mươi sáu tuổi (26 tuổi)
Nghề-nghiệp : Nội-trợ
Cư-trú tại : xã Sơn Giang, Quận Phước Bình, Phước Long
Vợ : Chánh
Người khai : Nguyễn-Thanh-Tâm
(Tên, họ)
Tuổi : Hai mươi chín tuổi (29 tuổi)
Nghề-nghiệp : Quân-nhân
Cư-trú tại : Xã Sơn-Giang, quận Phước-Bình Tỉnh Phước-Long.
Ngày khai : Ba mươi tháng bảy năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (30.07.I97I)
Người chứng thứ nhứt : Trang-Sĩ-Bé
(Tên, họ)
Tuổi : Ba mươi sáu tuổi (36 tuổi)
Nghề-nghiệp : Quân-nhân
Cư-trú tại : Xã Sơn-Giang, quận Phước-Bình, Phước-Long
Người chứng thứ nhì : Nguyễn-Tấn-Bích
(Tên, họ)
Tuổi : Hai mươi chín tuổi (29 tuổi)
Nghề-nghiệp : Quân-nhân
Cư-trú tại : Xã Sơn-Giang, quận Phước-Bình, Phước-Long

Làm tại Sơn-Giang, ngày 30 tháng 07 năm I97I

Người khai,
Nguyễn-Thanh-Tâm
(ký tên)

Ủy-viên Hộ-tịch
Phan-Đương
(Ấn ký)

Nhân-chứng,
- Trang-Sĩ-Bé (ký tên)
- Nguyễn-tấn-Bích (ký tê

Nguyễn Sinh Hùng

Số hiệu 455

KHAI SANH

Tên, họ tự-nhi : NGUYỄN - THỤY - DIỄM

Phái : Nữ

Sanh : Ngày mồng bốn tháng mười năm một ngàn
(Ngày, tháng, năm) chín trăm bảy mươi ba (04.10.1973)

Tại : Bảo Sanh Phước-Long

Cha : Nguyễn-Thanh-Tâm
(Tên, họ)

Tuổi : Ba mươi mốt tuổi (31 tuổi)

Nghề-nghiệp : Quân-nhân

Cư-trú tại : KBC : 4820

Mẹ : Nguyễn-Thị-Cúc
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi tám tuổi (28 tuổi)

Nghề-nghiệp : Nội-trợ

Cư-trú tại Xã Sơn-Giang, quận Phước-Bình, Phước-Long

Vợ : Chánh

Người khai : Nguyễn-Thanh-Tâm
(Tên, họ)

Tuổi : Ba mươi mốt tuổi (31 tuổi)

Nghề-nghiệp : Quân-nhân

Cư-trú tại : KBC : 4820

Ngày khai : Ngày 10.10.1973

Người chứng thứ nhứt : Tạ-Văn-Kinh
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi chín tuổi (29 tuổi)

Nghề-nghiệp : Quân-nhân

Cư-trú tại : KBC : 4820

Người chứng thứ nhì : Mai-Thành-Quang
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi tám tuổi (28 tuổi)

Nghề-nghiệp : Quân-nhân

Cư-trú tại : KBC : 4820

TRÍCH-Y TRONG BỘ :

Sơn-Giang, ngày 10/10/73
Xã-Trưởng Kiêm Hộ-Tịch

PHAN-MIÊN

Làm tại Sơn-Giang, ngày 10 tháng 10 năm 1973

Người khai,	Hộ-lại,	Nhân-chứng,
Nguyễn-Thanh-Tâm (Ký tên)	Phan-Miên (Ký tên)	- Tạ-Văn-Kinh (Ký tên) - Mai-Thành-Quang (Ký tên)

TO : PHAN NGOC TRAC

Panorama CA

From : PHAN NGOC TRAC
Panorama City CA

To: Families of Viet Namese Political
Prisoners association -
P. O. Box 5435 ARLINGTON
V.A. 22205-0635.

NOV 15 1989

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

LIST OF WIDOWS OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONERS WHO DIES WHILE BEING DETAINED IN THE CAMPS IN VIETNAM

No.	NAME & ADDRESS IN VIETNAM	DATE OF BIRTH	OCCUPATION	DATE OF ARRESTED	DATE OF DECEASED	IV NO.	VEWL	I-171	SPONSOR'S NAME & ADDRESS	REMAR
58/WP-118	NGO THI TRAM TK22/23 Nguyen Canh Chan, P.25, Q.1, HOCHIMINH CITY VIETNAM DECEASED'S NAME: TRAN VAN SACH	1932 1922	Police Warrant Offiter	6/15/75	5/13/78					Needs IV x LOI x Compl
59/WP-119	NGUYEN THI CUC 80/4 Duong 19, Phuong 18 Quan Tan Binh, HOCHIMINH CITY, VIETNAM DECEASED'S NAME: NGUYEN THANH TAM	3/10/45 7/10/42	Captain	12/ 2/75	8/3/77					Needs IV x LOI x Compl
60/WP-120	NGUYEN THI LAN DUNG 324/36 Hoang V. Thu, Quan Tan Binh, HOCHIMINH CITY, VIETNAM DECEASED'S NAME: LAM THANH AN	01/10/37 4/12/27	Major	5/6/75	4/4/79	034305			NGUYEN VAN THAI Houston, TX	Needs IV x LOI x Compl
61/WP-121	LE KIM CUC 20/1 Ba Hom, Phuong 13 Quan 6, HOCHIMINH CITY VIETANM DECEASED'S NAME: VO VAN MUI	10/25/32 4/16/31	Major	1975	9/13/79					Needs IV x LOI x Compl
62/WP-122	NGUYEN THI NHIEM 83/9 Tran Khac Chan, P.9 Quan Phu Nhuan, HOCHIMINH VIETNAM DECEASED'S NAME: NGUYEN VAN TON	12/26/20 6/20/23	Colonel	1975	3/3/83	531996			TAN DINH NGUYEN Las Vegas, N.V.	Needs IV x LOI x Compl

Ghi chú :

- Học tập cải tạo từ 21/12/75 - 8/30/77
- Chết trong trại cải tạo 8/30/77
- Đã có giấy hộ tịch